TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8 – 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạn;

2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 595/2023/TLST – HNGĐ ngày 27/6/2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 47 ngày 09/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ Q, sinh năm 1998; thường trú: Tổ 7, ấp T, xã N, huyện (nay là thị xã) B, tỉnh A, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1993; thường trú: Tổ 5, ấp M, xã V, huyện G, tỉnh K; tạm trú: Nhà trọ Trần Văn Vũ, số 2/83, khu phố X, phường R, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/7/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ Q trình bày:

Bà Phạm Thị Mỹ Q và ông Lê Văn C tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2016 cấp ngày 07 tháng 9 năm 2016. Sau khi kết hôn, bà Q và ông C sinh sống tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy nhiên được khoảng thời gian ngắn thì ông C thường xuyên nhậu ít nhất là 05 đến 06 ngày

trong một tuần, sau khi nhậu về ông C đánh bà Q mà không có lý do bà Q đã nhiều lần nói chuyện khuyên nhủ nên thời gian khoảng một đến hai năm nay thì ông C ít đánh bà Q nhưng mỗi lần đi nhậu về bắt bà Q ngồi để nghe nói chuyện. Bà Q cảm thấy cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng lo sợ, mệt mỏi và áp lực. Bà Q đã nhiều lần khuyên nhủ và cho cơ hội nhưng ông C không thay đổi. Do luôn sống trong tâm trạng lo sợ mệt mỏi nên bà Q đã dọn về quê sinh sống cùng với gia đình, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng không còn quan tâm nhau nữa.

Hiện tại bà Phạm Thị Mỹ Q xác định không còn tình cảm với ông Lê Văn C, không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ Q yêu cầu được ly hôn ông Lê Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Phạm Thị Mỹ Q và ông Lê Văn C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú; Giấy chứng nhận kết hôn Bảng tường trình của bà Phạm Thị Mỹ Q ngày 30 tháng 01 năm 2023;

Theo bản tự khai ngày 03/7/2023, các buổi hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông Lê Văn C thống nhất về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như bà Phạm Thị Mỹ Q đã trình bày.

Trong quá trình chung sống, ông C thừa nhận mỗi khi đi nhậu về có đánh vợ, còn đánh vợ bao nhiêu lần thì ông C không nhớ rõ. Sau khi tỉnh rượu, ông cảm thấy có lỗi và cũng đã khắc phục, ông xác định không còn nhậu nhiều như trước kia một tuần chỉ nhậu vào ngày thứ 7, chủ nhật nhưng nhậu về không còn đánh vợ. Ông C không biết việc bà Q dọn về quê sinh sống khi bỏ đi bà Q không thông báo. Hiện nay bà Q và ông C không còn chung sống với nhau khoảng 05 đến 06 tháng. Ông C nhiều lần nói chuyện và nhờ cha mẹ hai bên khuyên bà Q quay về đoàn tụ gia đình nhưng bà Q không đồng ý và nộp đơn yêu cầu Tòa án thành phố Thuận An giải quyết ly hôn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q ông C xác định vẫn còn tình cảm với bà Q không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa ông C và bà Q không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Căn cước công dân (bản photo);

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị Mỹ Q và ông Lê Văn C đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Trong quá trình chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm Q giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại số 2/83, khu phố X, phường R, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm Q giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2016 ngày 07 tháng 9 năm 2016, như vậy hôn nhân của bà Phạm Thị Mỹ Q và ông Lê Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Dựa trên cơ sở lời khai và lời trình bày của bà Phạm Thị Mỹ Q và ông Lê Văn C đều thống nhất trình bày, ông C thường xuyên đi nhậu mỗi khi đi nhậu về thì đánh đập xúc phạm bà Q. Ông C nhiều lần nói chuyện và nhờ cha mẹ hai bên hàn gắn gia đình nhưng bà Q xác định không còn tình cảm không muốn hàn gắn và chung sống với ông C vì lúc nào bà Q cũng sống trong tâm trạng lo sợ, mệt mỏi và áp lực. Hiện tại bà Q và ông C không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, vì vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn xảy ra giữa bà Q và ông C đã trầm trọng, kéo dài.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông C không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập bà Q và ông C tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên các bên đều không hàn gắn được với nhau. Do vậy, bà Q yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Q và ông C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mỹ Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 51, Điều 56, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ Q đối với bị đơn ông Lê Văn C về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ Q được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ Q và ông Lê Văn C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ Q phải nộp số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004706 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hạnh